

Số: 63/2025/QĐST - HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 24 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 88/2025/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Vũ Thị T**, sinh năm 1979; Căn cước công dân số: 002179000822, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 07/4/2021; Nơi cư trú: **Thôn A, xã B, tỉnh Tuyên Quang** Quang.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Công N**, sinh năm 1975; Căn cước công dân số: 026075005036, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 13/4/2021; Nơi cư trú: **Thôn A, xã B, tỉnh Tuyên Quang** Quang.

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9; khoản 7 Điều 26 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 107; 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 11 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị **Vũ Thị T** và anh **Nguyễn Công N**g Nam.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: chị **Vũ Thị T** và anh **Nguyễn Công N** thuận tình ly hôn.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 02 con chung là cháu **Nguyễn Công Đ**, sinh ngày 05/03/2002 và cháu **Nguyễn Công B**, sinh ngày 05/09/2011. Cháu

Nguyễn Công Đ đã đủ 18 tuổi nên chị T và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn chị Vũ Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Công B cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Công N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng. Phương thức cấp dưỡng: định kỳ hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng: kể từ tháng 11/2025 cho đến khi cháu Nguyễn Công B đủ 18 tuổi. Người nhận tiền cấp dưỡng nuôi con là chị Vũ Thị T.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung, sau này chị T, anh N có quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con và người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về chia tài sản: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Vũ Thị T tự nguyện chịu toàn bộ 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0000928 ngày 21/10/2025, của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang; Anh Nguyễn Công N không phải chịu án phí.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 5 - Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng THADS Khu vực 5 – Tuyên Quang;
- UBND xã Bắc Quang (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Hải Hà